

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/5/2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Huy T, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.  
Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị T1, sinh năm 1990,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.  
Nơi cư trú hiện tại: Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, anh T và bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T1 vắng mặt lần hai không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Lê Huy T trình bày:* Anh và chị Dương Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 08/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì anh đi lao động tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T1 không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình và nợ nần dẫn đến thất thoát kinh tế. Anh và gia đình nhiều lần khuyên bảo, tha thứ nhưng chị T1 không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tháng 7/2022 chị T1 đi lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn V, sinh ngày 10/8/2013 và Lê Huy H, sinh ngày 16/01/2016, hiện các con đang ở cùng ông bà nội. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung cho đến khi các con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T1. Bà Lê Thị L là mẹ đẻ chị T1 trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T1 vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T1 biết. Thông qua gia đình chị T1 trình bày không mong muốn ly hôn, còn việc anh T có đơn xin ly hôn là do anh T tự giải quyết. Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng, tuy nhiên chị không có quan điểm trình bày về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tài sản chung không có và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người được anh T ủy quyền về việc nuôi dưỡng con chung và giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án là bà Đỗ Thị N trình bày:* Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Văn V và cháu Lê Huy H cho đến khi anh T về nước, bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi các cháu, đồng thời bà nhất trí nhận ủy quyền của anh T về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh T biết, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Ngoài ra, bà Đỗ Thị N cho biết: Trong thời gian đi lao động tại Nhật Bản anh T gửi toàn bộ kinh tế về cho chị T1 quản lý, tuy nhiên chị T1 không chịu khó làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần và có nhiều người đến nhà đòi nợ, thậm chí cả xã hội đen cũng đến đòi nợ. Vợ chồng chủ yếu mâu

thuần về kinh tế, hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh T có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của anh T và chị T1 là cháu Lê Văn V và Lê Huy H có nguyện vọng được ở với anh T.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T, chị T1 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương được một thời gian thì anh T đi lao động ở nước ngoài, chị T1 ở nhà không chịu khó làm ăn, nợ nần nên sau đó một thời gian chị T1 cũng xuất cảnh lao động ở nước ngoài. Do vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, tình cảm không được gắn bó, anh T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Huy T ly hôn chị Dương Thị T1. Về con chung: Giao các con chung Lê Văn V và Lê Huy H cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Huy T và bị đơn chị Dương Thị T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Nhật Bản, chị T1 đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T1. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị T1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị L là mẹ đẻ chị T1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị T1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo

quy định của pháp luật. Bà L đã liên lạc điện thoại với chị T1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh T và chị T1. Tại phiên tòa, anh T, bà N vắng mặt và có đơn, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt; chị T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Huy T và chị Dương Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 08/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2017, khi anh T đi Nhật Bản thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T1 mãi chơi, không chăm lo cho gia đình, con cái và làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, dẫn đến nhiều người đến đòi nợ. Anh và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng chị T1 không thay đổi, tháng 7/2022 chị T1 đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1. Thông qua gia đình chị T1 trình bày không mong muốn ly hôn, tuy nhiên chị T1 không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn, gìn giữ hạnh phúc gia đình và chị trình bày việc ly hôn là do anh T tự giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T1 không có nguyện vọng được đoàn tụ, mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Lê Huy T và chị Dương Thị T1 có 02 con chung là Lê Văn V, sinh ngày 10/8/2013 và Lê Huy H, sinh ngày 16/01/2016, hiện các con đang ở với bà Đỗ Thị N. Anh T đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời anh ủy quyền cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi anh về nước. Chị T1 hiện đang làm ăn ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa chị cũng không có lời khai thể hiện quan điểm, nguyện vọng được nuôi con. Cháu Lê Văn V và Lê Huy H có nguyện vọng được ở với anh T và bà N. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao các con chung cho anh Lê Huy T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Lê Văn V và Lê Huy H cho bà Đỗ Thị N nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Nếu có căn cứ cho rằng anh T không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T1 có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án

có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Lê Huy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Huy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Huy T ly hôn chị Dương Thị T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Huy T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Văn V, sinh ngày 10/8/2013 và Lê Huy H, sinh ngày 16/01/2016 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T tạm thời không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Lê Văn V và Lê Huy H cho bà Đỗ Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Huy T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000452 ngày 05/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Huy T và chị Dương Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**